

Số: 75/TTr-UBND

Hải Dương, ngày 07 tháng 7 năm 2023

TỜ TRÌNH

Ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội dung, mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương
(*Tài liệu trình tại kỳ họp thứ 16 – HĐND tỉnh khóa XVII*)

Thực hiện Chương trình làm việc của HĐND tỉnh khóa XVII, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội dung, mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương (sau đây gọi là Nghị quyết), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính đã ban hành quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật (Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính và Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp).

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, tỉnh Hải Dương đang áp dụng mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương theo định mức quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính và Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp.

2. Ngày 06 tháng 7 năm 2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 42/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính (Thông tư số 42/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính); Ngày 08 tháng 02 năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 09/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát,

hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (Thông tư 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài chính). Trong đó, mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản đã được điều chỉnh tăng so với mức chi đã được quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC và Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP.

Trong các thông tư quy định mức phân bổ và mức chi tại thông tư là mức chi tối đa, căn cứ vào khả năng ngân sách, tình hình thực tế địa phương UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định cụ thể mức chi để thực hiện. Do vậy, để đảm bảo việc thực hiện Thông tư số 338/2016/TT-BTC, Thông tư số 42/2022/TT-BTC và Thông tư 09/2023/TT-BTC phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, tình hình thực tế tại địa phương thì việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội dung, mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

- Quy định cụ thể định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội dung, mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Là cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị thực hiện việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản.

- Bảo đảm tổ chức thực hiện hiệu quả Thông tư số 338/2016/TT-BTC, Thông tư số 42/2022/TT-BTC, Thông tư 09/2023/TT-BTC trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm thẩm quyền về hình thức, thẩm quyền về nội dung được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 15 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Thông tư số 338/2016/TT-BTC, Thông tư số 42/2022/TT-BTC, Thông tư số 09/2023/TT-BTC; các văn bản pháp luật khác có liên quan và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Để triển khai thực hiện Thông tư số 338/2016/TT-BTC, Thông tư số 42/2022/TT-BTC, Thông tư 09/2023/TT-BTC, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định

mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương tại Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh về kế hoạch công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện Đề án nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, năm 2023.

Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương gửi các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố, đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để xin ý kiến tham gia tại Công văn số 1675/STC-TCHCSN ngày 16/05/2023.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Tài chính đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định.

Ngày 19/06/2023, Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 1296/BC-STP về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội dung, mức chi có tính chất đặc thù đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương theo đúng quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC, Thông tư số 42/2022/TT-BTC, Thông tư 09/2023/TT-BTC và tình hình thực tế của địa phương, bảo đảm việc triển khai thực hiện thống nhất, hiệu quả.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được kết cấu thành 06 điều và 01 phụ lục kèm theo, bao gồm:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Điều 3. Quy định nội dung và mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Điều 5. Điều khoản thi hành

Điều 6. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội dung, mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2.2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhiệm vụ giúp cơ quan, người có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu, kế hoạch.

2.3. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội dung, mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

2.3.1. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

a) Đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân
- + Cấp tỉnh: 30.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp huyện: 15.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp xã: 10.000.000 đồng/dự thảo.
- Quyết định của Ủy ban nhân dân
- + Cấp tỉnh: 20.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp huyện 10.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp xã: 8.000.000 đồng/dự thảo.

b) Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: bằng 80% định mức phân bổ đối với từng loại văn bản quy định tại điểm a Mục này, cụ thể:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân
- + Cấp tỉnh: 24.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp huyện: 12.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp xã: 8.000.000 đồng dự thảo.
- Quyết định của Ủy ban nhân dân
- + Cấp tỉnh: 16.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp huyện 8.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp xã: 6.400.000 đồng/dự thảo.

2.3.2. Kinh phí cho hoạt động thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm cả kinh phí họp, nhận xét, báo cáo và các công việc khác liên quan đến công tác thẩm

định) nằm trong định mức phân bổ đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Mục 2.3.1 Tờ trình này và được quy định cụ thể như sau:

a) Kinh phí thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: 3.700.000 đồng/văn bản.

b) Kinh phí thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

- Đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mới hoặc thay thế: 2.000.000 đồng/dự thảo; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung: 1.500.000 đồng/dự thảo.

- Đối với dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới hoặc thay thế: 2.000.000 đồng/dự thảo; dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung: 1.500.000 đồng/dự thảo.

- Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cấp huyện, cấp xã: Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định mức kinh phí thẩm định, thẩm tra trong định mức phân bổ cụ thể đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Mục 2.3.1 Tờ trình này nhưng tối đa không quá 1.500.000 đồng/dự thảo đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế; không quá 1.000.000 đồng/dự thảo đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung.

c) Trường hợp cơ quan thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc diện hưởng kinh phí cho hoạt động thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các văn bản khác nhau với các mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

2.3.3. Quy định nội dung và mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật.

Nội dung và mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật quy định tại *Phụ lục kèm theo*.

2.4. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp hiện hành.

2.5. Điều khoản thi hành

Các nội dung không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và các văn bản pháp luật hiện hành; Thông tư 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2.6. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

(Có dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kèm theo)

Trên đây là Tờ trình về ban hành Nghị quyết quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội dung, mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu dự kỳ họp thứ 16, khóa XVII;
- LĐ VP HĐND tỉnh, UBND tỉnh
- Lưu: VT, KTTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Quân

PHỤ LỤC**Một số mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật***(Kèm theo Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Hải Dương)**Đơn vị tính: Nghìn đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật			
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150	
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia	01 văn bản	1.500	Văn bản được xin ý kiến
3	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
a	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản.			
	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	01 báo cáo	7.000	
	- Báo cáo của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	01 báo cáo	3.000	
	- Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập	01 báo cáo	1.500	
b	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	01 báo cáo	400	
4	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật,		900	Tính 01 lần chỉnh lý

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
	mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp)			
5	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng			Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
6	Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP	01 văn bản		
	- Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật		250	
	- Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật		500	
7	Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm);	01 văn bản	200	
8	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản	01 văn bản		
a	Mức chi chung		300	
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp		600	
9	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	250	
10	Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP	01 văn bản	150	
11	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	150	
b	Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật			
	- Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí	01 tài liệu (01 văn bản)		Mức chi được thực hiện theo

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
				chứng từ chi hợp pháp
	- Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	70	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo
12	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản			Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
13	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm ...			Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.